TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2022
V/v Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Văn Đức
Bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐ-ST ngày 12/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:Anh Nguyễn Hữu C, sinh ngày 02/5/1986 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Xóm G, xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội (Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Anh Nguyễn Hữu C ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang nhận và nộp thay các văn bản tố tụng.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh ngày 01/12/1990 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Xóm G, xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:**

3.1. Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1958

3.2. Bà Công Thị N, sinh năm 1965

Đều cùng địa chỉ: Xóm G, xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội (đều xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị M được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 03/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) nơi anh đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị M về nhà anh làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, do điều kinh tế khó khăn vợ chồng bàn bạc để con ở nhà cho ông bà nội nuôi và cùng nhau đi lao động tại Nhật Bản. Sang Nhật Bản một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn, anh và chị M nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Khoảng tháng 3/2018 anh và chị M về nước nhưng chị M chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị M sinh sống. Về nước một thời gian anh đi Hàn Quốc lao động còn chị M đi Nhật Bản lao động tiếp. Kể từ tháng 5/2017 đến nay anh và chị M không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 19/5/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 08/8/2010. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng ông bà nội. Chị M hiện nay đang ở Việt Nam nhưng chị M về thăm gia đình và giải quyết ly hôn với anh nhưng sau đó chị M tiếp tục đi lao động. Vì vậy, sau khi ly hôn đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh chăm sóc nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông Nguyễn Hữu B và bà Công Thị N là ông bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh về nước.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị M là bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng giống như anh C trình bày. Nay chị và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy, chị cũng đồng ý yêu cầu xin ly hôn của anh C và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn nhau.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 19/5/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 08/8/2010. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng ông bà nội. Chị hiện về Việt Nam nhưng chị về thăm gia đình một thời gian rồi sẽ tiếp tục sang Nhật Bản lao động nên không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Qua trao đổi anh C nói sẽ về nước sinh sống vào cuối

năm nay. Vì vậy, sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh C chăm sóc nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông Nguyễn Hữu B và bà Công Thị N là ông bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Hữu B và bà Công Thị N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Về quan hệ hôn nhân của anh C, chị M: Về quá trình đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng giống như anh C, chị M trình bày. Ông, bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh C, chị M có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 19/5/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 08/8/2010. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng ông bà và được ông bà chăm sóc đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần. Ông bà nhất trí việc anh C, chị M thỏa thuận giao con chung anh C chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C về nước sinh sống. Ông B, bà N nhất trí và cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và Quỳnh A đảm bảo cả về thể chất lẫn tinh thần. Ông bà không yêu cầu anh C, chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: anh C, chị M không có.

Cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 19/5/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 08/8/2010 trình bày: Các cháu đang sinh sống cùng ông bà nội và được ông bà nội chăm sóc đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần. Bố mẹ các cháu đều đang lao động tại nước ngoài nhưng thường xuyên gọi điện hỏi thăm hai anh em. Mẹ các cháu hiện về nước thăm gia đình và các cháu nhưng sẽ quay trở lại nước ngoài làm việc. Nên nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn ở với bố và ông bà nội.

Người được ủy quyền bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà đồng ý nhận ủy quyền của anh Nguyễn Hữu C về việc giao nhận các tài liệu đối với Tòa án. Bà đề nghị giám định chữ ký, viết trong các tài liệu anh C gửi về và tự chịu mọi chi phí giám định cũng như không đề nghị Tòa án giải quyết chi phí giám định.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hữu C, chị Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu B, bà Công Thị N đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Hữu C; chị Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu B, bà Công Thị N và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đã thực hiện đúng

quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 104, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu C.

Xử cho anh Nguyễn Hữu C được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 19/5/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 08/8/2010 cho anh Nguyễn Hữu C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, nhưng tạm giao cho ông Nguyễn Hữu B và bà Công Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đương sự đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Hữu C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu do anh C gửi từ nước ngoài về yêu cầu khởi kiện:

Trong đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo của anh Nguyễn Hữu C gửi từ nước ngoài đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang có điểm chỉ bằng vân tay và chữ ký, chữ viết của anh Nguyễn Hữu C nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại nước ngoài. Do đó, chưa có căn cứ xác định anh C là người viết, ký tên và điểm chỉ trong các tài liệu gửi đến Tòa án. Vì vậy, căn cứ theo yêu cầu của bà Thảo là đại diện theo ủy quyền của anh C đề nghị Tòa án trưng cầu giám định dấu vân tay, chữ ký, chữ viết của anh C trong các tài liệu gửi đến Tòa án đối với các mẫu so sánh. Tòa án đã quyết định trưng cầu giám định số: 222/2022/QĐ-TCGĐ ngày 14/6/2022 gửi phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang và có kết luận giám định số 1162/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang ngày 07/7/2022 đã kết luận:

1. Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết có nội dung "Cường - Nguyễn Hữu C" dưới các mục "Người khởi kiện", "Người khai", "Bên ủy quyền" trên các tài liệu gửi giám định so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Hữu C tại mục "Chồng" trong Giấy chứng nhận kết hôn là do cùng một người ký ra. Như vậy, có đủ căn cứ xác định Đơn khởi kiện, bản tự khai, Giấy ủy quyền và các tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu C do bà Nguyễn Thị T nộp tại Tòa án tỉnh Bắc Giang là của anh Nguyễn Hữu C thể hiện yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải

quyết nuôi con chung khi ly hôn là của anh Nguyễn Hữu C. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để giải quyết vụ án.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo Công văn trả lời số 13557/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 29/6/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh C xuất cảnh qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Ngoài ra, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác định anh C đang lao động tại Hàn Quốc. Do đó, anh C được xác định là đang ở nước ngoài. Anh C khởi kiện xin ly hôn chị M và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung". Anh C là nguyên đơn đang ở nước ngoài, chị M là bị đơn đang tạm trú tại tỉnh Bắc Giang nên đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn anh Cường, bị đơn chị Mai và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ong Bình, bà Năm đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C và chị M, ông B, bà N.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu C và chị Nguyễn Thị M, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 03/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị M.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh C với chị M. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh C và chị M chung sống với nhau hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn anh, chị cùng đi lao động tại Nhật Bản. Sang Nhật Bản một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tháng 3/2018 anh, chị cùng về nước nhưng do mâu thuẫn nên chị M về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Về nước thăm gia đình một thời gian thì anh C đi lao động tại Hàn Quốc, chị M tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản. Kể từ tháng 5/2017 đến nay anh, chị không còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Anh C, chị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều đề nghị Tòa án xử cho anh, chị được ly hôn nhau. Do vậy, xác định vợ chồng anh C, chị M không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, xử cho anh C và chị M được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung: Anh C, chị M có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 19/5/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 08/8/2010. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng Nguyễn Hữu B và bà Công Thị N (là bố mẹ đẻ anh C) và do ông Bình, bà Năm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh C, chị M đề nghị giao con chung cho anh C chăm sóc nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông Nguyễn Hữu B và bà Công Thị N là ông, bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C về nước. Hội đồng xét xử thấy hiện nay Cường đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị M cũng lao động nước ngoài nhưng hiện nay về nước nhưng chị trình bày chị về nước giải quyết ly hôn sau đó quay trở lại Nhật Bản làm việc, nên cũng không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh C, chị M từ khi đi nước ngoài thì cháu H, Quỳnh A vẫn do ông B, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Anh C, chị M đều thống nhất giao con cho anh C trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng trong thời gian anh C chưa về nước sẽ tạm giao cho ông B, bà N là ông bà nội trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu H, cháu A đều có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội. Do đó căn cứ Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh C cũng như đề nghị của chị M. Giao 02 con chung cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Nguyễn Hữu C ở nước ngoài, tạm giao cháu Nguyễn Hữu H, cháu Nguyễn Thị Quỳnh A cho ông Nguyễn Hữu B và bà Công Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi anh Nguyễn Hữu C về Việt Nam là phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi ích con chung.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C, chị M, ông B, bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ: Anh C, chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu C được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 19/5/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 08/8/2010 cho anh Nguyễn Hữu C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Trong thời gian anh Nguyễn Hữu C ở nước ngoài, tạm giao cháu Nguyễn Hữu H, cháu Nguyễn Thị Quỳnh A cho ông Nguyễn Hữu B và bà Công Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi anh Nguyễn Hữu C về Việt Nam.

Sau khi ly hôn, chị M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000441 ngày 30/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu B, bà Công Thị N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Hữu C hiện đang cư trú tại nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã C, huyện Q, tỉnh Hà Tây;
-Cổng thông tin điện tử;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền